

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2019/HS-PT

Ngày: 25 - 6 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước.

Ông Ngô Tấn Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Nền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 127/2019/TLPT-HS ngày 24 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo Phạm Văn C, Nguyễn Văn T, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2019/HS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp x, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); có vợ và 02 con; tiền sự, tiền án: Không; bị bắt, tạm giam: Không; có mặt.

2. Phạm Văn C, sinh năm 1969 tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp 3, xã B1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm

Văn K và bà Đặng Thị X; có vợ và 03 con; tiền sự, tiền án: Không; bị bắt, tạm giam: Không; có mặt.

Ngoài ra còn có bị cáo Võ Văn B không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 14/8/2018, Võ Văn B rủ Nguyễn Thanh T, Phạm Văn C và Nguyễn Văn T đến phòng trọ số x, nhà trọ V thuộc ấp x, xã G, huyện C để đánh bài cào 03 cây ăn thua bằng tiền thì tất cả đồng ý. Trước khi đánh bài, C chuẩn bị số tiền 5.000.000 đồng, B số tiền 1.000.000 đồng, T số tiền 350.000 đồng.

Tại nhà trọ V, C làm cái chia bài cho B, T, T đặt tụ, (trong đó T được B nhờ đặt dùm cho B 01 tụ, số tiền đặt tụ và thắng thua đều do B chịu trách nhiệm). Mỗi ván bài số tiền của T đặt tụ từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng; B và T đặt tụ số tiền từ 500.000 đồng đến 5.000.000 đồng cho mỗi tụ. Sau khi đánh bài được khoảng 30 phút, B thua C số tiền 23.000.000 đồng (trong đó tiền mặt 1.000.000 đồng, tiền thiếu 22.000.000 đồng), do không có tiền nên B tự lấy giấy chứng minh nhân dân và giấy đăng ký xe mô tô loại Future FI màu đỏ, biển số xxxx của mình đưa cho C dùng hiện vật làm tin để đánh bài tiếp thì C đồng ý. Sau đó B, T, T chơi thêm 02 ván bài, B và T mỗi ván bài đặt số tiền 5.000.000 đồng tiếp tục thua hết nên C không đồng ý chơi tiếp mà yêu cầu B đưa chìa khóa xe cho C, nhưng B nói dối chìa khóa đã bị mất, đóng cửa phòng trọ lại. Do B không đưa chìa khóa nên C kêu xe ba gác đến chở xe mô tô biển số xxxx của B đi mở khóa và đem cầm tại tiệm vàng do anh Lê Quốc T làm chủ thuộc ấp x, xã B1, huyện C được số tiền 18.000.000 đồng. Sau khi C bỏ đi, B đến Công an xã G trình báo sự việc, hồ sơ sau đó được chuyển đến Công an huyện C giải quyết theo thẩm quyền.

Đến ngày 27/8/2018, C đến gặp anh T trả lại số tiền 18.000.000 đồng và chuộc lại xe mô tô. Cùng ngày, C tự nguyện giao nộp giấy chứng minh nhân dân, giấy đăng ký cùng xe mô tô biển số xxxx (xe không có ổ khóa) của B cho Cơ

quan điều tra. Đồng thời, ngày 28/8/2018 chị Hà Thị V chủ nhà trọ V đã giao nộp 01 bộ bài tây 52 lá được chị V cất giữ khi dọn phòng số 7 vào ngày 14/8/2018.

Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả cho B 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Võ Văn B, anh T không yêu cầu gì, các vật chứng còn lại chuyển xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/11/2018 Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự đã định giá xe mô tô loại Future FI màu đỏ, ghi, xám, số máy: xxxx, số khung: xxxx trị giá 18.000.000 đồng.

Đối với Nguyễn Thanh T đã bỏ trốn trước khi kết thúc điều tra. Căn cứ vào khoản 2 Điều 170, khoản 1 Điều 229 Bộ luật tố tụng hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra Quyết định tách và tạm đình chỉ vụ án, bị can đối với T theo quy định, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2019/HS-ST ngày 12/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn C phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn C 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt bổ sung, về vật chứng, về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/4/2019, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo xin giảm hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 24/4/2019, bị cáo Phạm Văn C kháng cáo xin giảm hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo C có nộp số tiền 13.500.000 đồng để nộp hình phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 002215 ngày 19/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo T, C giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn C phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Xét thấy mức án 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo T và mức án 09 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo C là phù hợp.

Bị cáo T kháng cáo xin giảm hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo nhưng không cung cấp tình tiết mới để làm căn cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên yêu cầu kháng cáo của bị cáo T không có cơ sở để chấp nhận.

Sau khi kháng cáo ngày 19/6/2019 bị cáo C có nộp số tiền 13.500.000 đồng để nộp án phí hình sự sơ thẩm, tiền dùng vào việc đánh bạc và hình phạt bổ sung nhưng đây không là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà pháp luật quy định, nên yêu cầu kháng cáo của bị cáo C không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo của các bị cáo Phạm Văn C, Nguyễn Văn T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo. Lời khai nhận tội của bị cáo T và bị cáo C phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định vào khoảng 14 giờ ngày 14/8/2018 tại phòng số x, nhà trọ V thuộc ấp x, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, các bị cáo đã đánh bạc với hình thức đánh bài cào 03 cây ăn thua bằng tiền, bị cáo C làm

cái, bị cáo Võ Văn B, Nguyễn Văn T đặt tụ với số tiền mặt đem theo đánh bạc là 6.350.000 đồng, số tiền đặt tụ mỗi ván bài từ 100.000 đồng đến 5.000.000 đồng, bị cáo B thua số tiền 42.000.000 đồng đặt cược bằng miệng và có thể chiếc xe cho bị cáo C; tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 48.350.000 đồng. Nên có đầy đủ cơ sở khẳng định bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2019/HS-ST ngày 12/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp đã xét xử các bị cáo Phạm Văn C, Nguyễn Văn T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo C và bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng. Bị cáo C và bị cáo T là người thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Lẽ ra các bị cáo phải sống lành mạnh, không tham gia các tệ nạn xã hội, tích cực lao động chân chính để tạo thu nhập hợp pháp nuôi sống bản thân, có điều kiện phát triển kinh tế gia đình, làm gương cho người thân trong gia đình và góp phần làm cho xã hội tiến bộ hơn. Nhưng các bị cáo đã không thực hiện, chỉ vì lười lao động, muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài mà không phải lao động vất vả nên các bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép với hình thức đánh bài 03 cây ăn thua bằng tiền. Bị cáo C và bị cáo T nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép ăn thua bằng tiền hay hiện vật dưới bất kỳ hình thức nào là vi phạm pháp luật, là tệ nạn của xã hội, xâm phạm đến trật tự nếp sống văn minh của xã hội, nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện việc các bị cáo xem thường pháp luật. Do đó phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Khi lượng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là phù hợp. Xét mức án 09 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo C và mức án 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo T là đúng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo.

Bị cáo C kháng cáo xin giảm hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo với lý do gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình và phải đi làm thuê để lo kinh tế, nhưng bị cáo chỉ trình bày lý do của việc kháng cáo và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét mà không cung cấp chứng cứ chứng minh, trong khi đó đơn

kháng cáo của bị cáo C chỉ được Công an xã Bình Hàng Trung xác nhận nơi cư trú của bị cáo C và đơn cứu xét thì UBND xã B1 xác nhận chữ ký của Phó Trưởng BND ấp x; về tình tiết bị cáo phải nuôi người con bị tai nạn giao thông và 01 người cháu bị xuất huyết tiêu cầu không là tình tiết mới giảm nhẹ cho bị cáo; tình tiết bị cáo C có anh trai tham gia kháng chiến chống mỹ cứu nước được tặng bằng khen, nhưng bị cáo chỉ cung cấp bản photo bằng khen của ông Phạm Văn L và không có căn cứ chứng minh ông L là anh trai của bị cáo C; tình tiết bị cáo nộp số tiền 13.500.000 đồng ngày 19/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C để nộp án phí hình sự sơ thẩm, tiền dùng vào việc đánh bạc và hình phạt bổ sung, tuy nhiên trách nhiệm chịu án phí hình sự sơ thẩm do bị cáo chịu theo quy định của pháp luật, vật chứng của vụ án số tiền 3.200.000 đồng bị cáo phải nộp theo quy định, đối với tội danh mà bị cáo C bị xét xử, pháp luật quy định ngoài việc áp dụng hình phạt chính, bị cáo C còn bị áp dụng hình phạt bổ sung, đây là hình phạt mà bị cáo phải chấp hành, không thuộc trường hợp giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được pháp luật quy định. Nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo giảm mức hình phạt tù, không cho bị cáo C hưởng án treo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo T kháng cáo xin giảm hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo với lý do Phòng PC 45 Công an tỉnh Đồng Tháp đề nghị bị cáo T cộng tác để bài trừ các tệ nạn xã hội nhưng chưa thực hiện và bị cáo T không có chứng cứ chứng minh nên không xem xét; tình tiết gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình và phải đi làm thuê để lo kinh tế, nhưng bị cáo chỉ trình bày lý do của việc kháng cáo và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, đơn kháng cáo được Công an xã B xác nhận nơi cư trú của bị cáo T nên không có căn cứ chấp nhận. Bị cáo T kháng cáo nhưng không cung cấp tình tiết mới để làm căn cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo giảm mức hình phạt tù, không cho bị cáo T hưởng án treo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo của các bị cáo Phạm Văn C, Nguyễn Văn T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và cho hưởng án treo của bị cáo Phạm Văn C.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và cho hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn C phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn C 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về án phí: Bị cáo Phạm Văn C và bị cáo Nguyễn Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ GD-KT 1);
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh;
- TAND - VKSND h. C;
- CCTHADS h. C;
- Cơ quan CSĐT Công an h. C;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng GDKTNV-THA;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, HS (Linh).

Nguyễn Thị Thúy Hằng